

# BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Ngày 22/05/2018

ASEANSC RESEARCH

## MỤC LỤC

|                                     |    |
|-------------------------------------|----|
| Nhận định thị trường                | 1  |
| I. Thông tin doanh nghiệp           | 1  |
| II. Tin kinh tế trong nước nổi bật  | 1  |
| III. Tin quốc tế nổi bật            | 1  |
| Tổng hợp diễn biến thị trường       | 2  |
| IV. Tổng quan giao dịch NĐT NN      | 2  |
| Tỷ lệ ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index | 3  |
| Phân tích kỹ thuật                  | 4  |
| Biến động chỉ số ngành              | 5  |
| Đầu tư theo nhóm ngành              | 6  |
| Giá hàng hóa thế giới               | 7  |
| Danh mục của CANSLIM                | 8  |
| Báo cáo công ty                     | 9  |
| Báo cáo cập nhật ngành              | 10 |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật          | 11 |
| Lịch sự kiện chứng khoán nổi bật    | 12 |

## I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

### PMB: Trả cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12%

PMB - CTCP Phân bón và hóa chất dầu khí miền Bắc - Ngày 29/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2017, ngày đăng ký cuối cùng là 30/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12%, thanh toán bắt đầu từ ngày 20/6/2018.

### TPC: Trả cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%

TPC - CTCP Nhựa Tân Đại Hưng - Ngày 29/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận năm 2017, ngày đăng ký cuối cùng là 30/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán đợt 1 (5%) bắt đầu từ ngày 29/6/2018, đợt 2 (10%) từ ngày 18/9/2018.

## TỔNG QUAN TTCK QUỐC TẾ

| KHU VỰC | CHỈ SỐ     | +/-      | ĐIỂM      |
|---------|------------|----------|-----------|
| MỸ      | Dow Jones  | ↑ 298.20 | 25,013.29 |
|         | S&P 500    | ↑ 39.70  | 7,394.04  |
|         | Nasdaq     | ↑ 20.04  | 2,733.01  |
|         | FTSE 100   | ↑ 80.38  | 7,859.17  |
| CHÂU ÂU | DAX        | ↓ -36.89 | 13,077.72 |
|         | CAC 40     | ↑ 23.00  | 5,637.51  |
|         | Nikkei 225 | ↓ -5.59  | 22,996.78 |
| CHÂU Á  | Hang Seng  | ↑ 186.44 | 31,234.35 |
|         | Shanghai   | ↑ 20.54  | 3,213.84  |

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp)

Cập nhật ngày 22/05/2018

## GIẢM GẦN 30 ĐIỂM, VN-INDEX TIẾP TỤC MẤT MỐC 1.000

### NHẬN ĐỊNH CỦA ASEANSC:

Trong phiên giao dịch thứ 3 (22/05), áp lực bán không chỉ còn tập trung ở nhóm Bluechips mà lan rộng ra cả nhóm Midcaps và Penny. Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index giảm 29,07 điểm, đóng cửa ở mức 985,91 điểm. Thanh khoản trên HOSE cải thiện hơn hôm qua với khối lượng khớp lệnh 180 triệu cổ phiếu, giá trị hơn 5.200 tỷ đồng. Về phía khối ngoại, họ bán ròng hơn 600 tỷ đồng trên HOSE.

Ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.000 điểm đã bị phá vỡ cho thấy tâm lý thị trường hiện tại đang rất yếu. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng nhà đầu tư nên chú ý quan sát vùng hỗ trợ kỹ thuật gần nhất và cũng là vùng hỗ trợ dài hạn của VN-Index xung quanh ngưỡng 960 - 980 điểm (bao gồm MA (200) và Fibo 23,6%), đây được xem là vùng tăng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, xem xét giảm tỷ trọng khi thủng hỗ trợ 960. Vùng hỗ trợ tiếp theo được dự báo ở mức 920 - 940 điểm.

Tỷ trọng danh mục đề nghị theo công thức Kelly: 90% cash/ 10% stocks.

## II. TIN KINH TẾ TRONG NƯỚC NỔI BẬT

### Ngày 22/05: Tỷ giá trung tâm ở mức 22.595 đồng, tăng 5 đồng so với phiên trước đó

Tỷ giá trung tâm ngày 22/5 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 22.595 đồng, tăng 5 đồng so với mức công bố sáng qua. Đây là phiên tăng đầu tiên trong 4 phiên gần đây của tỷ giá này. Trong khi đó, giá USD tại các ngân hàng thương mại sáng nay lại được điều chỉnh giảm. Cụ thể, bốn ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và ACB đang cùng mua bán USD ở mức 22.740-22.810 đồng, giảm 5 đồng ở cả hai chiều so với sáng qua.

### Sáng ngày 22/05: Giá vàng SJC ở mức 36,52 - 36,72 triệu đồng/lượng

Khảo sát lúc 8h45 sáng nay (22/5), giá vàng miếng SJC đang được niêm yết ở mức 36,52 - 36,72 triệu đồng/lượng, không đổi so với giá khảo sát sáng qua. Chênh lệch giá mua bán vẫn ở mức 200 nghìn đồng/lượng. Cùng thời điểm, giá vàng giao ngay trên sàn Kitco đang được niêm yết ở mức 1.290,4 USD/oz, giảm 1,5 USD, tương đương 0,12% so với chốt phiên trước. Quy đổi theo tỷ giá tại Vietcombank sáng nay, hiện giá vàng trong nước đang đắt hơn vàng thế giới 1,06 triệu đồng/lượng, thu hẹp 20 nghìn đồng so với sáng qua.

## III. TIN QUỐC TẾ NỔI BẬT

### Ngày 21/05: Chỉ số Dow Jones tăng 1.21%, lên 25,013.29 điểm

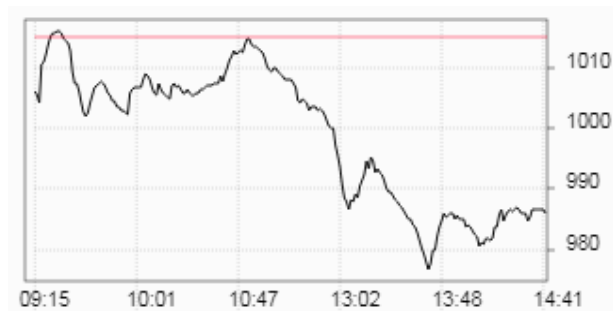
Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Hai, chỉ số Dow Jones vọt 298.2 điểm (tương đương 1.21%) lên 25,013.29 điểm, chỉ số S&P 500 tiến 20.04 điểm (tương đương 0.74%) lên 2,733.01 điểm và chỉ số Nasdaq Composite cộng 39.70 điểm (tương đương 0.54%) lên 7,394.04 điểm.

### Ngày 21/05: Dầu WTI tăng 1.4%, lên 72.24 USD/thùng

Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Hai, hợp đồng dầu thô ngọt nhẹ WTI giao tháng 6 trên sàn Nymex tiến 96 xu (tương đương gần 1.4%) lên 72.24 USD/thùng, mức đóng cửa cao nhất kể từ ngày 26/11/2014. Hợp đồng dầu Brent giao tháng 7 trên sàn Luân Đôn cộng 71 xu lên 79.22 USD/thùng.

**TỔNG HỢP DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG**
**TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ VN-INDEX**

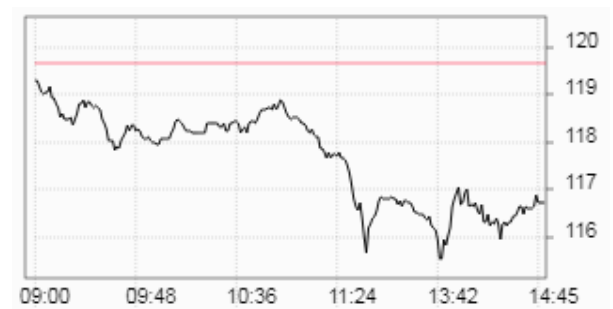
|                   |   |                      |
|-------------------|---|----------------------|
| Thay đổi (điểm)   | ↓ | <b>-29,07/-2,86%</b> |
| Giá trị (điểm)    | ↓ | <b>985.91</b>        |
| Khối lượng (cp)   |   | <b>180,486,321</b>   |
| Giá trị (tỷ đồng) |   | <b>5,216.49</b>      |
| Số cp tăng giá    | ↑ | <b>59</b>            |
| Số cp giảm giá    | ↓ | <b>256</b>           |
| Số cp đứng giá    | → | <b>44</b>            |

**DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ VN-INDEX**


| Mã  | Mở    | Đóng  | Cao   | Thấp  | KL     | Thay đổi |
|-----|-------|-------|-------|-------|--------|----------|
| COM | 52    | 59.7  | 59.7  | 51.9  | 570    | ↑ 7.0%   |
| VHM | 118.2 | 118.2 | 118.2 | 118.2 | 20     | ↑ 7.0%   |
| TIX | 41.3  | 41.5  | 41.5  | 41    | 140    | ↑ 7.0%   |
| VAF | 10.8  | 10.8  | 10.8  | 9.4   | 11,070 | ↑ 7.0%   |
| PNC | 18.7  | 18.7  | 18.7  | 18.7  | 10     | ↑ 6.9%   |

**TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ HNX-INDEX**

|                   |   |                     |
|-------------------|---|---------------------|
| Thay đổi (điểm)   | ↓ | <b>-2,94/-2,46%</b> |
| Giá trị (điểm)    | ↓ | <b>116.72</b>       |
| Khối lượng (cp)   |   | <b>70,624,170</b>   |
| Giá trị (tỷ đồng) |   | <b>936.29</b>       |
| Số cp tăng giá    | ↑ | <b>36</b>           |
| Số cp giảm giá    | ↓ | <b>132</b>          |
| Số cp đứng giá    | → | <b>217</b>          |

**DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ HNX-INDEX**


| Mã  | Mở   | Đóng | Cao  | Thấp | KL    | Thay đổi |
|-----|------|------|------|------|-------|----------|
| VNC | 57.2 | 57.2 | 57.2 | 57.2 | 100   | ↑ 10.0%  |
| FDT | 37   | 40.7 | 40.7 | 37   | 1,000 | ↑ 10.0%  |
| BXH | 15.5 | 15.5 | 15.5 | 15.5 | 500   | ↑ 9.9%   |
| TV3 | 46.8 | 48   | 48   | 39.4 | 2,400 | ↑ 9.8%   |
| DC4 | 10.2 | 10.2 | 10.2 | 9.2  | 2,400 | ↑ 9.7%   |

**TỔNG QUAN GD NĐTNN**

| TỔNG KL<br>(CỔ PHIẾU) | SÀN HCM           | SÀN HN           |
|-----------------------|-------------------|------------------|
| MUA                   | 18,524,635        | 8,528,842        |
| BÁN                   | 27,540,765        | 7,478,607        |
| MUA - BÁN             | <b>-9,016,130</b> | <b>1,050,235</b> |

**IV. TỔNG QUAN GD NĐTNN**

Ngày 22/05, khối ngoại bán ròng hơn 600 tỷ đồng trên HOSE và mua ròng hơn 26,4 tỷ đồng trên HNX. Cụ thể, trên sàn HOSE, họ đã mua vào hơn 18,5 triệu cổ phiếu (trị giá 798 tỷ đồng) và bán ra hơn 27,5 triệu cổ phiếu (trị giá 1.399 tỷ đồng). Trên sàn HNX, họ mua vào hơn 8,5 triệu cổ phiếu (trị giá 114,1 tỷ đồng) và bán ra gần 7,5 triệu cổ phiếu (trị giá gần 87,6 tỷ đồng).

(Nguồn: HOSE, HNX, ASEANSC tổng hợp:...)

**TỈ LỆ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHỈ SỐ VN-INDEX**

Vốn hóa thị trường (Ngày 21/05/2018):

3,148,327.00 tỷ đồng

Giá trị VN-INDEX (Ngày 21/05/2018):

1,040.54 điểm

Cập nhật ngày 22/05/2018

| Mã CK | Tỷ lệ ảnh hưởng | KL niêm yết   | Giá tham chiếu | Giá khớp | +/-  | %     | KL khớp   | Điểm ảnh hưởng |
|-------|-----------------|---------------|----------------|----------|------|-------|-----------|----------------|
| VIC   | 9.6%            | 2,637,707,954 | 114.4          | 106.4    | -8.0 | -7.0% | 2,590,430 | <b>-6.97</b>   |
| VHM   | 9.4%            | 2,679,611,550 | 110.5          | 118.2    | 7.7  | 7.0%  | 20        | <b>6.82</b>    |
| VNM   | 7.7%            | 1,451,453,429 | 166            | 162      | -4.0 | -2.4% | 1,185,350 | <b>-1.92</b>   |
| GAS   | 6.6%            | 1,913,950,000 | 108.5          | 105.9    | -2.6 | -2.4% | 464,230   | <b>-1.65</b>   |
| VCB   | 6.4%            | 3,597,768,575 | 55.7           | 53.4     | -2.3 | -4.1% | 3,235,250 | <b>-2.74</b>   |
| SAB   | 5.1%            | 641,281,186   | 251            | 247.9    | -3.1 | -1.2% | 79,840    | <b>-0.66</b>   |
| BID   | 3.4%            | 3,418,715,334 | 31.5           | 29.3     | -2.2 | -7.0% | 3,119,620 | <b>-2.48</b>   |
| CTG   | 3.4%            | 3,723,404,556 | 28.8           | 27.1     | -1.7 | -5.9% | 6,389,160 | <b>-2.09</b>   |
| MSN   | 3.3%            | 1,157,373,974 | 89             | 85       | -4.0 | -4.5% | 1,126,390 | <b>-1.53</b>   |
| PLX   | 2.7%            | 1,293,878,081 | 66             | 62       | -4.0 | -6.1% | 955,310   | <b>-1.71</b>   |
| VRE   | 2.7%            | 1,901,078,733 | 44.6           | 43       | -1.6 | -3.6% | 2,855,940 | <b>-1.01</b>   |
| VJC   | 2.6%            | 451,343,284   | 184            | 176.9    | -7.1 | -3.9% | 592,970   | <b>-1.06</b>   |
| HPG   | 2.6%            | 1,517,079,000 | 53.2           | 50.5     | -2.7 | -5.1% | 6,301,030 | <b>-1.36</b>   |
| VPB   | 2.2%            | 1,497,403,415 | 47             | 45       | -2.0 | -4.3% | 2,653,000 | <b>-0.99</b>   |
| BVH   | 2.0%            | 680,471,434   | 90.3           | 84       | -6.3 | -7.0% | 194,180   | <b>-1.42</b>   |
| MBB   | 1.7%            | 1,815,505,363 | 29.6           | 28.8     | -0.8 | -2.7% | 5,478,700 | <b>-0.48</b>   |
| HDB   | 1.3%            | 980,999,979   | 41.1           | 39       | -2.1 | -5.1% | 1,406,120 | <b>-0.68</b>   |
| MWG   | 1.1%            | 323,169,521   | 110.3          | 109      | -1.3 | -1.2% | 423,890   | <b>-0.14</b>   |
| ROS   | 1.1%            | 472,999,999   | 75             | 71.9     | -3.1 | -4.1% | 810,000   | <b>-0.48</b>   |
| NVL   | 1.1%            | 652,638,750   | 52             | 50.4     | -1.6 | -3.1% | 3,019,740 | <b>-0.35</b>   |

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp, Cophieu68, HOSE)

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-INDEX



90% cash 10% stocks

Vùng mua: 960 - 980 Vùng chốt lời ngắn hạn: 1.000 - 1.020

Xu hướng

Ngắn hạn (< 1 tháng) Trung hạn (1 - 3 tháng) Dài hạn (>3 tháng)

↓ ↓ ↑

### HNX-INDEX



90% cash 10% stocks

Vùng mua: 114.0 - 116.0 Vùng chốt lời ngắn hạn: 118.0 - 120.0

Xu hướng

Ngắn hạn (< 1 tháng) Trung hạn (1 - 3 tháng) Dài hạn (>3 tháng)

↓ ↓ ↑

### Phân tích kỹ thuật

#### Nhận định:

Dựa vào chuyển động của các chỉ báo kỹ thuật, chúng tôi cho rằng Vn-Index sẽ kiểm tra vùng hỗ trợ gần nhất tại 960 - 980 điểm.

#### Khuyến nghị ngắn hạn:

Trong kịch bản tiêu cực, vùng hỗ trợ gần của Vn-Index được dự báo nằm tại 960 - 980 điểm, đây được xem là vùng tăng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, xem xét giảm tỷ trọng khi thủng hỗ trợ 960. Vùng hỗ trợ tiếp theo được dự báo ở mức 920 - 940 điểm.

Trong kịch bản tích cực, vùng 1.000 - 1.020 điểm sẽ đóng vai trò là vùng kháng cự gần, đồng thời là vùng giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, xem xét tăng tỷ trọng khi vượt kháng cự 1.020. Vùng kháng cự tiếp theo được dự báo ở mức 1.040 - 1.060 điểm.

Tỷ trọng danh mục đề nghị theo công thức Kelly: 90% cash/ 10% stocks.

### Phân tích kỹ thuật

#### Nhận định:

Dựa vào chuyển động của các chỉ báo kỹ thuật, chúng tôi cho rằng Hnx-Index sẽ kiểm tra vùng hỗ trợ gần nhất tại 114.0 - 116.0 điểm.

#### Khuyến nghị ngắn hạn:

Trong kịch bản tiêu cực, vùng hỗ trợ gần của Hnx-Index được dự báo nằm tại 114.0 - 116.0 điểm, đây được xem là vùng tăng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, xem xét giảm tỷ trọng khi thủng hỗ trợ 114.0. Vùng hỗ trợ tiếp theo được dự báo ở mức 110.0 - 112.0.

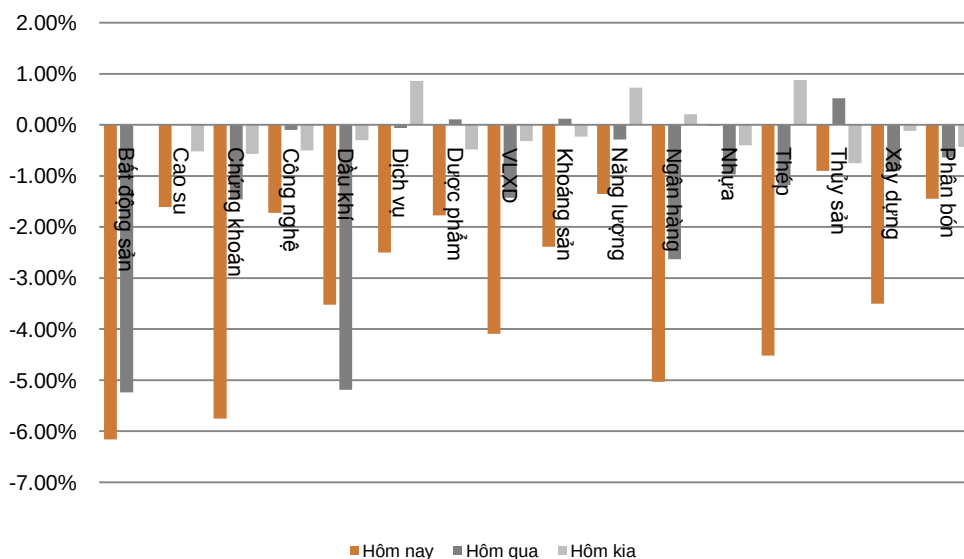
Trong kịch bản tích cực, vùng 118.0 - 120.0 điểm sẽ đóng vai trò là vùng kháng cự gần, đồng thời là vùng giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, xem xét tăng tỷ trọng khi vượt kháng cự 120.0. Vùng kháng cự tiếp theo được dự báo ở mức 122.0 - 124.0 điểm.

Tỷ trọng danh mục đề nghị theo công thức Kelly: 90% cash/ 10% stocks.

## BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ NGÀNH

| Ngành        | Thay đổi |
|--------------|----------|
| Bất động sản | ↓ -6.16% |
| Cao su       | ↓ -1.61% |
| Chứng khoán  | ↓ -5.75% |
| Công nghệ    | ↓ -1.72% |
| Dầu khí      | ↓ -3.52% |
| Dịch vụ      | ↓ -2.50% |
| Dược phẩm    | ↓ -1.77% |
| VLXD         | ↓ -4.09% |
| Khoáng sản   | ↓ -2.39% |
| Năng lượng   | ↓ -1.35% |
| Ngân hàng    | ↓ -5.03% |
| Nhựa         | ↓ -0.02% |
| Thép         | ↓ -4.52% |
| Thủy sản     | ↓ -0.90% |
| Xây dựng     | ↓ -3.50% |
| Phân bón     | ↓ -1.45% |

BIỂU ĐỒ NGÀNH



CHI TIẾT NGÀNH

| Ngành        | Mã chứng khoán | Giá tham chiếu | Giá khớp | +/-    | %       | KLGD      |
|--------------|----------------|----------------|----------|--------|---------|-----------|
| Bất động sản | VIC            | 114.4          | 106.4    | ↓ -8.0 | ↓ -7.0% | 2,590,430 |
|              | NVL            | 52             | 50.4     | ↓ -1.6 | ↓ -3.1% | 3,019,740 |
|              | KDH            | 35.4           | 33.85    | ↓ -1.6 | ↓ -4.4% | 298,750   |
| Chứng khoán  | SSI            | 32             | 30.05    | ↓ -2.0 | ↓ -6.1% | 7,843,100 |
|              | VCI            | 99.2           | 92.5     | ↓ -6.7 | ↓ -6.8% | 114,020   |
|              | HCM            | 66.1           | 62.1     | ↓ -4.0 | ↓ -6.1% | 611,840   |
| Dầu khí      | GAS            | 108.5          | 105.9    | ↓ -2.6 | ↓ -2.4% | 464,230   |
|              | PLX            | 66             | 62       | ↓ -4.0 | ↓ -6.1% | 955,310   |
|              | PVS            | 19.9           | 19.9     | → 0.0  | → 0.0%  | 6,128,000 |
| Ngân hàng    | VCB            | 55.7           | 53.4     | ↓ -2.3 | ↓ -4.1% | 3,235,250 |
|              | BID            | 31.5           | 29.3     | ↓ -2.2 | ↓ -7.0% | 3,119,620 |
|              | CTG            | 28.8           | 27.1     | ↓ -1.7 | ↓ -5.9% | 6,389,160 |
| Thép         | HPG            | 53.2           | 50.5     | ↓ -2.7 | ↓ -5.1% | 6,301,030 |
|              | TVN            | 9.8            | 9.5      | ↓ -0.3 | ↓ -3.1% | 59,000    |
|              | HSG            | 13.1           | 12.2     | ↓ -0.9 | ↓ -6.9% | 4,421,720 |

Cập nhật ngày 22/05/2018

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp;...)

## ĐẦU TƯ THEO NHÓM NGÀNH

| Ngành        | Biến động tuần (%) | Cổ phiếu nổi bật        | Triển vọng 2018 |
|--------------|--------------------|-------------------------|-----------------|
| Bất động sản | ↓ -16.46%          | VIC, PDR, DIG, DXG, SCR | Khả quan        |
| Cao su       | ↓ -2.02%           | CSM, DRC, SRC           | Trung lập       |
| Chứng khoán  | ↓ -10.41%          | HCM, SSI, VND           | Khả quan        |
| Công nghệ    | ↓ -3.62%           | FPT, CMG, ELC           | Khả quan        |
| Dầu khí      | ↓ -11.11%          | GAS, PVD, PVS           | Khả quan        |
| Dịch vụ      | ↓ -1.99%           | PAN, SKG, VNG, DSN      | Khả quan        |
| Dược phẩm    | ↓ -4.72%           | DCL, DHG, DMC, IMP      | Khả quan        |
| VLXD         | ↓ -7.51%           | HT1, BCC                | Trung lập       |
| Khoáng sản   | ↓ -3.41%           | NBC, TC6, TCS, TDN      | Trung lập       |
| Năng lượng   | ↓ -0.17%           | BTP, PPC, VSH, NT2      | Khả quan        |
| Ngân hàng    | ↓ -11.27%          | VCB, BID, CTG, MBB, SHB | Khả quan        |
| Nhựa         | ↓ -1.99%           | BMP, NTP, AAA           | Trung lập       |
| Thép         | ↓ -8.22%           | HPG, HSG, VGS, NKG      | Trung lập       |
| Thủy sản     | ↓ -3.02%           | FMC, HVG, IDI, VHC      | Trung lập       |
| Xây dựng     | ↓ -8.17%           | CTD, VCG, HBC           | Trung lập       |
| Phân bón     | ↓ -4.64%           | DCM, DPM, BFC, LAS      | Trung lập       |

Cập nhật ngày 22/05/2018

**GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI**

| Năng lượng  | Giá hiện tại | Thay đổi |          |          |         | Thời gian cập nhật |
|-------------|--------------|----------|----------|----------|---------|--------------------|
|             |              | 1 Ngày   | 1 Tuần   | 1 Tháng  | 1 Năm   |                    |
| Crude Oil   | 72.6344 ↑    | 0.35% ↑  | 1.85% ↑  | 5.82% ↑  | 41.12%  | 22/05/2018         |
| Brent       | 79.4153 ↑    | 0.33% ↑  | 1.27% ↑  | 6.31% ↑  | 46.68%  | 22/05/2018         |
| Natural gas | 2.8249 ↑     | 0.60% ↓  | -0.43% ↑ | 3.06% ↓  | -12.28% | 22/05/2018         |
| Gasoline    | 2.2561 →     | 0.00% ↑  | 2.37% ↑  | 6.28% ↑  | 35.85%  | 22/05/2018         |
| Heating oil | 2.28 ↑       | 0.10% ↑  | 1.40% ↑  | 6.52% ↑  | 41.93%  | 22/05/2018         |
| Ethanol     | 1.4829 ↓     | -0.41% ↓ | -0.54% ↓ | -0.48% ↑ | 1.29%   | 22/05/2018         |

| Kim loại  | Giá hiện tại | Thay đổi |         |          |        | Thời gian cập nhật |
|-----------|--------------|----------|---------|----------|--------|--------------------|
|           |              | 1 Ngày   | 1 Tuần  | 1 Tháng  | 1 Năm  |                    |
| Palladium | 898.5 ↑      | 0.28% ↑  | 1.59% ↑ | 2.00% ↑  | 29.54% | 22/05/2018         |
| Gold      | 1,295.1 ↑    | 0.15% ↑  | 0.36% ↓ | -2.20% ↑ | 3.53%  | 22/05/2018         |
| Silver    | 16.6 ↑       | 0.57% ↑  | 1.92% ↑ | 0.08% ↓  | -2.86% | 22/05/2018         |
| Platinum  | 898.5 ↑      | 0.28% ↑  | 0.62% ↓ | -2.07% ↓ | -4.41% | 22/05/2018         |

| Nông nghiệp | Giá hiện tại | Thay đổi |          |           |         | Thời gian cập nhật |
|-------------|--------------|----------|----------|-----------|---------|--------------------|
|             |              | 1 Ngày   | 1 Tuần   | 1 Tháng   | 1 Năm   |                    |
| Coffee      | 120.2 ↑      | 5.48% ↑  | 5.76% ↑  | 2.74% ↓   | -7.72%  | 22/05/2018         |
| Tea         | 2.5 →        | 0.00% ↓  | -5.66% ↓ | -18.83% ↓ | -28.16% | 22/05/2018         |
| Neodymium   | 412,500.0 →  | 0.00% →  | 0.00% ↓  | -5.17% ↑  | 11.94%  | 22/05/2018         |
| Live Cattle | 104.9 ↑      | 2.47% ↑  | 1.89% ↓  | -13.80% ↓ | -14.75% | 22/05/2018         |
| Canola      | 533.6 ↑      | 0.23% ↑  | 0.02% ↓  | -1.04% ↑  | 1.48%   | 22/05/2018         |
| Oat         | 244.5 ↓      | -0.10% ↑ | 1.78% ↑  | 7.84% ↑   | 1.35%   | 22/05/2018         |
| Soybeans    | 1,023.1 ↓    | -0.07% ↑ | 0.43% ↑  | 0.24% ↑   | 7.90%   | 22/05/2018         |
| Wheat       | 511.9 ↑      | 0.79% ↑  | 3.67% ↑  | 10.86% ↑  | 19.12%  | 22/05/2018         |
| Cotton      | 89.0 ↑       | 0.68% ↑  | 6.28% ↑  | 7.01% ↑   | 15.28%  | 22/05/2018         |
| Rice        | 12.2 ↓       | -0.04% ↓ | -2.08% ↓ | -6.40% ↑  | 13.01%  | 22/05/2018         |
| Palm Oil    | 2,460.0 ↑    | 1.11% ↑  | 3.62% ↑  | 2.41% ↓   | -14.49% | 22/05/2018         |
| Cheese      | 1.6 ↓        | -0.06% ↓ | -0.06% ↑ | 3.93% ↑   | 6.15%   | 22/05/2018         |
| Milk        | 15.2 ↓       | -0.07% ↓ | -0.26% ↑ | 4.75% ↓   | -2.50%  | 22/05/2018         |
| Rubber      | 183.5 →      | 0.00% ↑  | 3.67% ↑  | 2.69% ↓   | -43.19% | 22/05/2018         |

| Công nghiệp | Giá hiện tại | Thay đổi |          |          |        | Thời gian cập nhật |
|-------------|--------------|----------|----------|----------|--------|--------------------|
|             |              | 1 Ngày   | 1 Tuần   | 1 Tháng  | 1 Năm  |                    |
| Oat         | 244.5 ↓      | -0.10% ↑ | 1.78% ↑  | 7.84% ↑  | 1.35%  | 22/05/2018         |
| Copper      | 3.1 ↑        | 0.62% ↑  | 1.98% ↓  | -0.17% ↑ | 19.54% | 22/05/2018         |
| Steel       | 4,066.0 ↓    | -0.05% ↑ | 2.16% ↑  | 6.55% ↑  | 10.55% | 22/05/2018         |
| Lead        | 2,314.5 →    | 0.00% ↓  | -2.49% ↑ | 0.19% ↑  | 11.80% | 22/05/2018         |

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp, tradingeconomics.com)

**DANH MỤC CỦA CANSLIM**
**CÁC KHUYẾN NGHỊ CÒN MỞ TRẠNG THÁI**

| Mã CP       | Mua Bán | Trạng thái | Giá mua/Bán | Giá hiện tại | Giá mục tiêu | Lãi lỗ tiềm năng | Lãi lỗ ghi nhận | Ngày mở TT | Ghi chú |
|-------------|---------|------------|-------------|--------------|--------------|------------------|-----------------|------------|---------|
| Trung bình: |         |            |             |              |              |                  | #DIV/0!         |            |         |

**CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG TRONG THÁNG**

| Mã CP       | Mua Bán | Trạng thái | Giá mua/Bán | Giá hiện tại | Giá mục tiêu | Lãi lỗ tiềm năng | Lãi lỗ ghi nhận | Ngày mở TT | Ngày đóng TT |
|-------------|---------|------------|-------------|--------------|--------------|------------------|-----------------|------------|--------------|
| VNM         | Mua     | Đóng       | 115.0       | 138.0        | 140.0        | 21.7%            | 20.0%           | 27/01/2016 | 17/03/2016   |
| BTP         | Mua     | Đóng       | 11.4        | 15.8         | 15.3         | 34.2%            | 38.6%           | 16/02/2016 | 25/03/2016   |
| INN         | Mua     | Đóng       | 36.0        | 49.8         | 49.0         | 36.1%            | 38.3%           | 19/01/2016 | 13/04/2016   |
| KBC         | Mua     | Mở         | 13.1        | 15.0         | 15.5         | 18.3%            | 14.5%           | 26/04/2016 | 08/06/2016   |
| BPC         | Mua     | Mở         | 12.4        | 17.5         | 20.0         | 61.3%            | 41.1%           | 20/01/2016 | 08/06/2016   |
| PMC         | Mua     | Mở         | 49.0        | 60.7         | 72.4         | 47.8%            | 23.9%           | 26/04/2016 | 08/06/2016   |
| BCC         | Mua     | Mở         | 14.8        | 19.1         | 18.4         | 24.3%            | 29.1%           | 19/12/2016 | 20/02/2017   |
| HVT         | Mua     | Mở         | 19.5        | 27.8         | 25.0         | 28.2%            | 42.6%           | 19/12/2016 | 16/03/2017   |
| NLG         | Mua     | Mở         | 21.8        | 26.8         | 27.8         | 27.5%            | 22.7%           | 19/12/2016 | 16/03/2017   |
| VNM         | Mua     | Mở         | 124.6       | 151.7        | 150.0        | 20.4%            | 21.7%           | 20/12/2016 | 29/05/2017   |
| DVN         | Mua     | Mở         | 16.1        | 27.7         | 28.0         | 73.9%            | 72.0%           | 14/11/2017 | 24/01/2018   |
| PGC         | Mua     | Mở         | 13.5        | 17.2         | 24.1         | 78.5%            | 27.4%           | 04/05/2017 | 05/02/2018   |
| Trung bình: |         |            |             |              |              |                  | 32.7%           |            |              |

(Cập nhật ngày 03/02/2017)



**BÁO CÁO CÔNG TY (CÁC BÁO CÁO PHÁT HÀNH GẦN NHẤT)**

| Tên công ty | Ngày phát hành | Khuyến nghị    | Giá mục tiêu         | Chi tiết  |
|-------------|----------------|----------------|----------------------|-----------|
| DVN         | 05/04/2018     | Mua [+82%]     | 33.600 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| SHB         | 26/02/2018     | Nắm giữ [-5%]  | 12.600 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| IJC         | 15/11/2017     | Mua [+30%]     | 12.000 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| NTL         | 14/11/2017     | Mua [+24%]     | 12.000 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| VPB         | 17/08/2017     | Mua [+26%]     | 49.200 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| DRC         | 27/07/2017     | Bán [-21%]     | 21.300 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| LTG         | 26/07/2017     | Bán [-19%]     | 44.400 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| VGC         | 27/06/2017     | Nắm giữ [-8%]  | 17.400 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| LIC         | 31/05/2017     | Không đánh giá | N/A                  | Tài xuống |
| VGC         | 25/05/2017     | Mua [+41%]     | 24.100 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| CTF         | 23/05/2017     | Nắm giữ [+9%]  | 13.100 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| CDN         | 22/05/2017     | Mua [+29%]     | 30.800 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| DP2         | 19/05/2017     | Không đánh giá | N/A                  | Tài xuống |
| DVN         | 18/05/2017     | Mua [+282%]    | 39.700 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| CSV         | 10/05/2017     | Mua [+69%]     | 50.700 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| TRC         | 09/05/2017     | Nắm giữ [+8%]  | 31.700 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| PGC         | 28/04/2017     | Mua [+81%]     | 24.100 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| TMT         | 21/04/2017     | Nắm giữ [+3%]  | 13.300 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| VTG         | 23/03/2017     | Mua [+29%]     | 14.400 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| DIG         | 23/03/2017     | Nắm giữ [+0%]  | 9.100 đồng/cổ phiếu  | Tài xuống |
| TMT         | 20/03/2017     | Mua [+42%]     | 18.000 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| CMC         | 20/03/2017     | Mua [+160%]    | 13.500 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |

| Khuyến nghị      | Diễn giải                                              |
|------------------|--------------------------------------------------------|
| Kỳ vọng 12 tháng |                                                        |
| Mua              | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường trên 15%       |
| Nắm giữ          | Nếu giá mục tiêu so với giá thị trường từ -15% đến 15% |
| Bán              | Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường dưới -15%     |

 Vui lòng xem chi tiết tại: <https://www.aseansc.com.vn/trung-tam-phan-tich/bao-cao-cong-ty>

**BÁO CÁO CẬP NHẬT NGÀNH (CÁC BÁO CÁO PHÁT HÀNH GẦN NHẤT)**

| Tên báo cáo                                           | Chi tiết  |
|-------------------------------------------------------|-----------|
| Báo cáo cập nhật ngành Phân bón – Quý 1/2018          | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Thép – Quý 1/2018              | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Dược phẩm – Quý 1/2018         | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Săm lốp – Quý 4/2017           | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Xi măng – Quý 2/2017           | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Chứng khoán – Quý 2/2017       | Tải xuống |
| Báo cáo triển vọng ngành 2017 - ASEANSC               | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Bất động sản – Tháng 6/2016    | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Sản xuất thép – Tháng 6/2016   | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Ngân hàng – Tháng 5/2016       | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Dịch vụ du lịch – Tháng 5/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Thủy sản – Tháng 4/2016        | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Dược phẩm – Tháng 4/2016       | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Khu công nghiệp – Tháng 3/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Chứng khoán – Tháng 3/2016     | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Cảng biển – Tháng 3/2016       | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Cao su tự nhiên – Tháng 2/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Nhiệt điện – Tháng 2/2016      | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Xi măng – Tháng 2/2016         | Tải xuống |

Vui lòng xem chi tiết tại: <https://www.aseansc.com.vn/trung-tam-phan-tich/bao-cao-nganh>

**BÁO CÁO PHÂN TÍCH KỸ THUẬT (CÁC BÁO CÁO PHÁT HÀNH GẦN NHẤT)**

| <b>Tên báo cáo</b>                                           | <b>Chi tiết</b> |
|--------------------------------------------------------------|-----------------|
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VNM, VIC, MSN, GAS (22/03/2018) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – BID, CTG, VCB, MBB (21/03/2018) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – LIX, LM8, LSS, MBB (18/10/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – LCG, LDG, LHG, BCC (13/10/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DCM (25/08/2017)                | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – SHB (23/08/2017)                | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – NTL (28/07/2017)                | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – PVD (24/07/2017)                | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HUT (21/07/2017)                | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VGS (20/07/2017)                | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – KDC, KDH, KMR, KLF (18/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – IVS, ITA, ITD, KBC (17/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HT1, HTI, HVG, IDI (13/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HNG, HPG, HQC, HSG (12/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HBC, HCM, HDC, HHS (11/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HAG, HAH, HAI, HAR (10/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – FMC, FPT, GAS, GMD (06/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – EIB, ELC, FCM, FLC (05/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DPM, DQC, DRC, DXG (04/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DHM, DIC, DRH, DLG (03/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DCM, DCL, DCS, DIG (30/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DBC, EVE, FCN, FIT (29/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – CSM, CCL, CNG, CLL (28/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – CMG, CTD, CTG, CVT (26/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – BMI, BVS, BVH, BTP (23/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – BHS, BCG, CEO, CII (22/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – AAA, ACB, BID, BIC (21/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VTO, TNG, VIX, MBS (20/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VNE, VNM, VSC, VSH (19/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VIS, VHG, VIC, VIP (16/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VCG, VGS, VND, VKC (15/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – TIG, TVS, VCB, VHC (14/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – TCL, TCM, TDH, TSC (13/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – SVC, SCR, VNS, TLH (12/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – SHS, SRC, SJS, STB (09/06/2017) | Tải xuống       |

Vui lòng xem chi tiết tại: <https://www.aseansc.com.vn/trung-tam-phan-tich/bao-cau-phan-tich-ky-thuat>

**LỊCH SỰ KIỆN CHỨNG KHOÁN NỘI BẬT**

| Ngày GDKHQ | Ngày ĐKCC  | Ngày TH    | Mã CK | Sàn   | Nội dung sự kiện                                | Giá HT | Thay đổi       |
|------------|------------|------------|-------|-------|-------------------------------------------------|--------|----------------|
| n/a        | n/a        | 22/05/2018 | XLV   | UPCoM | Giao dịch lần đầu - 3,000,000 CP                | 0      | 0              |
| 22/05/2018 | 23/05/2018 | n/a        | AC4   | UPCoM | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 1,800 đồng/CP    | 11.8   | 0 (0%)         |
| n/a        | n/a        | 22/05/2018 | PDR   | HOSE  | Niêm yết cổ phiếu bổ sung - 44,398,084 CP       | 30.6   | -0.35 (-1.13%) |
| 22/05/2018 | 23/05/2018 | n/a        | VIX   | HNX   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1            | n/a    | n/a            |
| 22/05/2018 | 23/05/2018 | 08/06/2018 | VIX   | HNX   | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 500 đồng/CP      | 7.6    | 0 (0%)         |
| n/a        | n/a        | 22/05/2018 | S72   | UPCoM | Giao dịch lần đầu - 12,000,000 CP               | n/a    | n/a            |
| 22/05/2018 | 23/05/2018 | 25/06/2018 | BTP   | HOSE  | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 1,000 đồng/CP    | 12.6   | 0.1 (0.8%)     |
| n/a        | n/a        | 22/05/2018 | DTG   | UPCoM | Giao dịch bổ sung - 2,000,000 CP                | 21     | 1 (5%)         |
| n/a        | n/a        | 22/05/2018 | DPG   | HOSE  | Giao dịch lần đầu - 29,999,962 CP               | 57     | 0.2 (0.35%)    |
| n/a        | n/a        | 22/05/2018 | FCN   | HOSE  | Niêm yết cổ phiếu bổ sung - 2,500,000 CP        | n/a    | n/a            |
| 22/05/2018 | 23/05/2018 | 12/06/2018 | MTC   | UPCoM | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 100 đồng/CP      | n/a    | n/a            |
| 22/05/2018 | 23/05/2018 | 30/05/2018 | CCV   | UPCoM | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 2,000 đồng/CP    | 37     | 0 (0%)         |
| n/a        | n/a        | 22/05/2018 | NLG   | HOSE  | Niêm yết cổ phiếu bổ sung - 31,445,281 CP       | n/a    | n/a            |
| 22/05/2018 | 23/05/2018 | 01/06/2018 | MTH   | UPCoM | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 600 đồng/CP      | 9.8    | 0 (0%)         |
| 22/05/2018 | 23/05/2018 | n/a        | DXG   | HOSE  | Trả cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:13 | 35     | -1 (-2.78%)    |
| 22/05/2018 | 23/05/2018 | 16/06/2018 | TPH   | HNX   | Họp ĐHCĐ thường niên năm 2018                   | 6.2    | 0 (0%)         |
| 22/05/2018 | 23/05/2018 | 29/06/2018 | TPH   | HNX   | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 500 đồng/CP      | 13.8   | 0 (0%)         |
| n/a        | n/a        | 22/05/2018 | DCL   | HOSE  | Giao dịch bổ sung - 145,788 CP                  | 17     | 0 (0%)         |
| 23/05/2018 | 24/05/2018 | 05/06/2018 | NHH   | UPCoM | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 2,000 đồng/CP    | 79.5   | 0 (0%)         |
| 23/05/2018 | 24/05/2018 | 31/05/2018 | PME   | HOSE  | Trả cổ tức đợt 2/2017 bằng tiền, 1,000 đồng/CP  | 82     | -0.5 (-0.61%)  |
| 23/05/2018 | 24/05/2018 | 15/06/2018 | MVB   | UPCoM | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 200 đồng/CP      | 8.5    | 0 (0%)         |
| 23/05/2018 | 24/05/2018 | 05/06/2018 | THI   | HOSE  | Trả cổ tức đợt 2/2017 bằng tiền, 500 đồng/CP    | 37.5   | -2.35 (-5.9%)  |

Cập nhật ngày 22/05/2018

**ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG BẢN TIN VÀ KHUYẾN CÁO**

Điều kiện sử dụng bản tin: Bản tin nhận định thị trường này được Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN cung cấp cho một bộ phận khách hàng nhất định có mở tài khoản tại Công ty. Mọi sự cung cấp khi chưa được sự đồng ý của Công ty đều bị coi là vi phạm bản quyền.

Khuyến cáo: Nội dung trong bản tin này được Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN tổng hợp và phân tích từ các nguồn thông tin đại chúng được xem là đáng tin cậy và chỉ đơn thuần phục vụ mục đích tham khảo. Công ty không chịu trách nhiệm với bất kỳ quyết định mua hay bán khi khách hàng sử dụng các thông tin trên.